

Bản án số: 123/2026/HS-ST
Ngày 13 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Chiên, bà Đào Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Thái – Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chử – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2026/TLST - HS ngày 03/0/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐXXST-HS ngày 02/4/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn L**, sinh ngày: 01/01/1992, tại: tỉnh Lai Châu; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: **bản M, xã S, tỉnh Lai Châu**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Giáy; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Phan Văn S**, đã chết; con bà: **Vùi Thị P**, sinh năm 1962; gia đình bị cáo có 03 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: **Vàng Thị Đ**, sinh năm 1992 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con, sinh năm 2021; tiền sự: không.

Bị cáo có 01 tiền án: tại Bản án số 94/2023/HS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ (cũ), tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Phan Văn L** 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 17/12/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/11/2025 đến ngày 25/11/2025 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam **Phong T** - Trại tạm giam **công an tỉnh L** cho đến nay. *Bị cáo có mặt.*

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nông Thị Minh H** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L**. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 11 giờ ngày 19/11/2025, bị cáo **Phan Văn L** đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết từ bản Mầu, **xã S đến xã K** tìm mua Heroine để sử dụng, khi đi đến khu vực **bản H, xã K**, **L** xuống xe đi bộ vào trong bản thì gặp một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không rõ nhân thân, lai lịch). Qua trao đổi, **L** mua được của người đàn ông này 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá 100.000 đồng. Mua được Heroine, **L** nhặt 01 mảnh nilon màu xanh và 02 mảnh nilon màu hồng ở nền đất gói vào bên ngoài của gói Heroine rồi cầm trong lòng bàn tay phải mang về nhà mục đích để sử dụng.

Hồi 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đầu bản Mần 1, **xã S** thì gặp Tổ công tác **Công an xã S** đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát phát hiện hành vi vi phạm hình sự của **Phan Văn L** và thu giữ vật chứng là 01 gói Heroine.

Tại bản Kết luận giám định số 938/KL - KTHS ngày 22/11/2025 của **Phòng K Công an tỉnh L** kết luận: số chất bột màu trắng thu giữ của **Phan Văn L** có khối lượng 0,10 gam, là ma túy, loại: Heroine.

Về vật chứng của vụ án: đối với 0,10 gam Heroine, Cơ quan điều tra đã gửi toàn bộ đi giám định chất ma túy (không hoàn lại mẫu vật gửi giám định). Vật chứng còn lại là: 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu xanh, 02 bì niêm phong khi thu giữ vật chứng và 01 bật lửa gas màu đỏ.

Bản cáo trạng số 122/CT – VKSKV3 ngày 02/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu đã truy tố bị cáo **Phan Văn L** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: **Phan Văn L** từ 03 năm 04 tháng đến 03 năm 10 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu, tiêu hủy 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu xanh, 02 bì niêm phong khi thu giữ vật chứng và 01 bật lửa gas màu đỏ.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát. Kiểm sát viên tranh luận với người bào chữa: Bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, ngoài ra bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích nên cần xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề xuất về mức hình phạt.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì khác và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng bị cáo **Phan Văn L** rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Quá trình tham gia phiên tòa người bào chữa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để khẳng định: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 19/11/2025, tại khu vực đầu bản Mán 1, **xã S, tỉnh Lai Châu**, bị cáo **Phan Văn L** đang tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,10 gam với mục đích để sử dụng, thì bị Tổ công tác **Công an xã S, tỉnh Lai Châu** phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng là Heroine, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý đối với các chất ma túy. Gây mất trật tự, trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Phan Văn L** có nhân thân xấu, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét nhân thân và các tình tiết, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe bị cáo,

giúp bị cáo cải tạo, phấn đấu trở thành công dân tốt, sống tôn trọng quy định của pháp luật và có ích cho gia đình, xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị về mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Xét đề nghị của người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo dưới mức đề nghị về hình phạt tù của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật, do đó đề nghị này không được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: đối với 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu xanh, 02 bì niêm phong khi thu giữ vật chứng và 01 bật lửa gas màu đỏ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề liên quan:

Về nguồn gốc Heroine, bị cáo khai là mua một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch; bị cáo đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết. Ngoài lời khai của bị cáo **Phan Văn L**, không có chứng cứ, tài liệu khác để chứng minh, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Kết quả kiểm tra ma túy trong nước tiểu của bị cáo **Phan Văn L** dương tính với ma túy, loại MOP. Tuy nhiên, qua trình điều tra và tại phiên tòa xác định **Phan Văn L** không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[7] Về án phí: bị cáo **Phan Văn L** là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đối với bị cáo **Phan Văn L**:

1. Tuyên bố bị cáo **Phan Văn L** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Phan Văn L**: 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: tịch thu, tiêu hủy 02 mảnh nilon màu hồng, 02 mảnh nilon màu xanh, 02 bì niêm phong khi thu giữ vật chứng và 01 bật lửa gas màu đỏ. (*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 09/3/2026 giữa Công an tỉnh L và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu*).

4. Về án phí: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (CSĐT);
- Công an tỉnh Lai Châu (CQ THAHS);
- Công an tỉnh Lai Châu (Phòng hồ sơ);
- Phân trại tạm giam Phong Thổ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

